

Name:

Vocabulary + Grammar:

Class: S2...



Listening:

Tel: 034 200 9294

Mini Test:

Ngày GV giao bài: Thứ....., ngày...../.....

Ngày HS nộp bài: Thứ....., ngày...../.....

GLOBAL ENGLISH 2

UNIT 7 – THE WORLD AROUND US – VOCABULARY 1 & MOVERS SPEAKING

A. VOCABULARY

★ Object in nature

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	grass (n)	cỏ	4	wood (n)	gỗ
2	pond (n)	cái ao	5	wind (n)	cơn gió
3	nut (n)	hạt (như hạt óc chó, hạt dẻ,...)			

★ Parts of a tree/plant

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	root (n)	rễ cây	4	flower (n)	hoa
2	stem (n)	thân cây, cuống	5	plant (n)	cây cối
3	leaf (n)	lá			

★ Others

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	plant (v)	trồng cây, hoa,...	4	bin (n)	thùng rác
2	water (n/v)	nước/ tưới nước	5	recycle (v)	tái chế
3	pick up (phr.v)	nhặt lên			

★ Extra vocabulary

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	stomach-ache (n)	đau bụng	3	bench (n)	ghế dài
2	earache (n)	đau tai	4	rainbow (n)	cầu vồng

*Note: n = noun: danh từ;







v = verb: động từ;

phr.v = phrasal verb: cụm động từ

*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 ĐỒNG** vào vở ghi.

B. HOMEWORK

I. Circle the correct answer. (Khoanh tròn vào đáp án đúng.)

0 	a. It's the sky. b. It's the moon.	3 	a. This is a pond. b. This is a bin.
1 	a. This is grass. b. This is a flower.	4 	a. This is a root. b. This is a leaf.
2 	a. She planted a tree. b. She watered a tree.	5 	a. This is wind. b. This is wood.

II. Complete the sentences in negative form. (Hoàn thiện các câu sau ở dạng phủ định.)

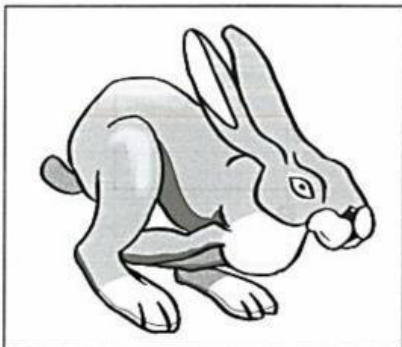
0. I thought about the test yesterday.
→ I **didn't think** about the test yesterday.
1. Jane made a cake last Monday.
→ Jane _____ last Monday.
2. They went to the zoo last Sunday.
→ They _____ last Sunday.
3. He saw a tiger at the park this morning.
→ He _____ at the park this morning.
4. We wrote a letter to our teacher yesterday.
→ We _____ to our teacher yesterday.
5. Lisa and John ate pizza last week.
→ Lisa and John _____ last week.

C. CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

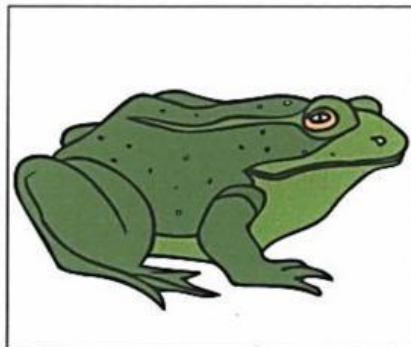
Con hãy làm các bài nghe dưới đây theo link sau:
<https://on.soundcloud.com/XnxRtRCtQODWjy7ZA>

Listen and tick (✓) the box. There is one example.

Which animal is Sam's new pet?



A



B



1 Where does Pat's mother work?



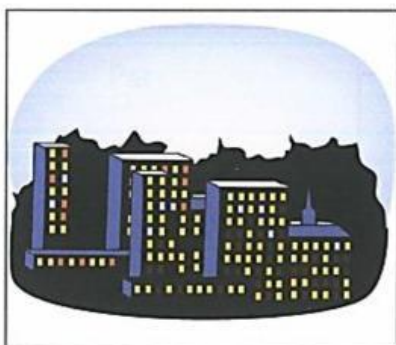
A



B



2 Which photo does Bill's mother like best?



A



B



3 What's the matter with Jill?



A

☐

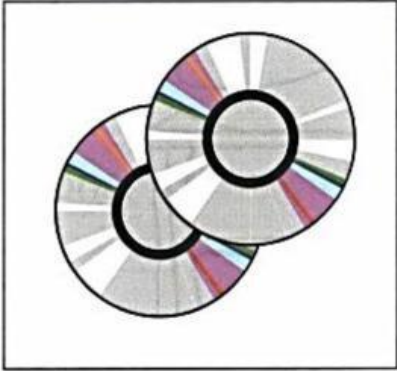
B

☐

4 What can Paul carry?



A

☐

B

☐

5 Where is the monkey?



A

☐

B

☐